

ĐIỀU KHẮC KỂ CHUYỆN NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO TRÊN TRỤ ỚP TƯỜNG LẠC QUỚI CỦA BẢO TÀNG AN GIANG

Nguyễn Thị Tú Anh*

Giới thiệu

Tác phẩm điêu khắc này hiện trưng bày tại Bảo tàng An Giang, thành phố Long Xuyên. Nội dung điêu khắc được thể hiện hoàn chỉnh trên một mặt của một trụ ớp tường (pilaster) bằng đá granite màu xám trắng có lỗm đốm đen. Mặc dù tác phẩm này được phát hiện và đưa về Bảo tàng An Giang năm 1994, từ một địa điểm thuộc gò Ông Địa, xã Lạc Quới, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang; nhưng cho đến nay, bức điêu khắc này vẫn chưa được lý giải về nội dung, ý nghĩa và niên đại của nó. Đây sẽ là hai chủ điểm mà bài viết này hướng đến, thông qua đối sánh với các tác phẩm từ những nền nghệ thuật khác và tư liệu thành văn đã công bố; từ đó xác định niên đại tương đối cho tác phẩm này trong bối cảnh hình thành văn hóa của cư dân Đồng bằng sông Cửu Long.



Khảo tả “Trụ ớp tường Lạc Quới”

Hình 1: Mặt trước trụ ớp tường Lạc Quới.

“Trụ ớp tường Lạc Quới” là tên gọi dùng trong bài viết này để dễ nhận diện, kích thước: 238cm x 30cm x 34cm. Ký hiệu: BTAG.2873/Đ.⁽¹⁾ Dù đã bị mòn mờ theo thời gian, chi tiết được điêu khắc hoàn chỉnh ở mặt trước của trụ và bố cục theo chiều dọc, chia làm ba phần thể hiện rõ đề tài Phật giáo. Mặt sau của trụ để thô ráp, có lẽ được dùng để ớp vào tường gạch của một ngôi đền, và có dáng hơi cong về phía trước.

* Trường Nghiên cứu Á Phi/SOAS, Đại học London.

1. Phần trên: Bắt đầu là một chiếc lá bồ đề lớn chiếm toàn bộ kích thước chiều ngang của trụ; bên dưới là hình tượng đức Phật ngồi trong tư thế kiết-già (paryankasana), hai bàn tay thủ ấn thiền định (dhyanamudra); ngài ngồi trên một cái bệ có hai đường gờ lớn thắt eo ở giữa. Đức Phật được thể hiện ngồi trong một cái khung hình vòng cung có đường gờ nổi lên; cái khung gắn khít với bệ ngồi.

2. Phần giữa: Một hình tròn lớn có ba vòng đồng tâm nổi hẳn lên; đặt trên một cột trụ ngắn có đầu cột hai lớp và một đế cột được thể hiện bằng những đường gờ vuông vức.

3. Phần dưới: Một cái lọng đặt trên một tòa sen; cùng ba nhân vật nữ ngồi bên dưới tòa sen. Người ngồi giữa được chạm to hơn so với hai người ngồi hai bên, tay phải cầm một búp hoa (hoa sen?) có cuống dài, đưa lên giữa ngực, khuỷu tay phải tựa lên đầu gối chân phải; tay trái buông thõng giấu sau chân trái. Nhân vật ở giữa được thể hiện ngồi trong một tư thế lạ thường, đầu gối gập với bàn chân trái nhón cao; chân phải đặt trên mặt phẳng; tư thế ngồi như thế rất hiếm thấy trong nền điêu khắc Phật giáo; hai cổ chân đeo hai vòng trang sức lớn. Có thể tư thế ngồi này là một cách điệu của *bhadrāsana*, tư thế vương tọa (?!). Nhân vật này mặc sa-rông rộng phủ đến gần cổ chân. Mặt bị mòn mờ nhưng có thể thấy được khuôn mặt tròn, đầy đặn; có chóp tóc phía trên đỉnh đầu và mái tóc dày phủ đến tai; hai tai đeo trang sức to và dài ngang vai.

Hai nhân vật phụ ngồi nép phía sau nhân vật chính; nhân vật bên phải, cầm trên tay phải một cành hoa đặt trên bả vai phải của nhân vật chính; gối phải gập nhẹ với bàn chân đặt ngang trên mặt phẳng. Nhân vật bên trái cũng cầm một đóa hoa đưa cao ngang vai trái nhân vật chính. Hai nhân vật phụ cũng có búi tóc trên đầu giống nhân vật chính, dù họ mặc sa-rông giống nhau phủ dài đến cổ chân.

Chóp trên cùng của trụ ốp tường có một cái chốt ngắn, có thể được dùng để gắn vào một bộ phận khác để tạo thành một khung cửa của ngôi đền; phần dưới cùng của trụ là một cái đế dài rộng bằng chiều ngang của trụ có thể được dùng để gắn vào một thanh ngang bên dưới. Có thể đây là một trong hai trụ ốp tường chính của một ngôi đền Phật giáo bằng gạch.

Ý nghĩa điêu khắc trên trụ ốp tường Lạc Quới

Đây là một tác phẩm nghệ thuật điêu khắc kể chuyện (narrative sculpture) mang đề tài Phật giáo. Những phân cảnh của nó minh họa ba nội dung trong rất nhiều sự kiện nổi bật của cuộc đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni (Sakyamuni), là người sáng lập đạo Phật. Ba sự kiện này được bố cục dọc theo thân trụ trong ba phân cảnh, dọc theo thứ tự từ trên xuống dưới. Ba phân cảnh minh họa cuộc đời của đức Phật từ khi ngài đản đạo cho đến khi tịch diệt: (1) Đức Phật đạt chánh quả dưới gốc cây bồ đề tại Bodh Gaya; (2) Bài thuyết pháp đầu tiên và sự truyền



Hình 2: Lá bồ đề và hình tượng đức Phật đấng đạo.



Hình 3: Chuyển pháp luân (Dharmacakra).

đạo của ngài sau khi giác ngộ tại vườn Lộc Uyển ở Sarnath; (3) Đức Phật lên cõi trời Đao Lợi để thuyết pháp cho mẹ và chư thiên trước khi ngài nhập Niết Bàn.

1. Phân cảnh 1: Đức Phật đấng đạo dưới cây bồ đề tại Bodh Gaya

Lá bồ đề hoặc cây bồ đề (bodhi/bodhivriksha) là một biểu tượng phổ biến trong nghệ thuật Phật giáo để chỉ sự giác ngộ của đức Phật Thích Ca dưới gốc bồ đề tại Bodh Gaya [Coomaraswamy 1927: 294; 1935: 39; Barrett 1954: 57]. Hình tượng lá bồ đề được điêu khắc phổ biến trong nền nghệ thuật Phật giáo. Vào thời kỳ đầu của nghệ thuật Phật giáo Ấn Độ, khoảng từ thế kỷ 3 trước Công nguyên (CN) đến thế kỷ 1 CN, trước khi xuất hiện hình tượng đức Phật, cây/lá bồ đề cùng với chuyển pháp luân (dharmacakra) và bảo tháp [stupa] tượng trưng cho sự hiện diện của đức Phật [Foucher 1917: 14; Huntington 2012: 6]. Trong bức chạm này, nhân vật ngồi tọa thiền dưới chiếc lá bồ đề chính là đức Phật Thích Ca khi ngài đạt chánh pháp. Khi đức Phật giác ngộ, ngài được thể hiện ngồi trong tư thế kiết già (paryankasana) và hai tay thủ ấn thiền định (dhyanamudra) [Coomaraswamy 1927: 301-2].

2. Phân cảnh 2: Bài thuyết pháp đầu tiên tại vườn Lộc Uyển và truyền bá Phật pháp

Hình tượng một vòng tròn lớn gắn trên đầu trụ thể hiện chuyển pháp luân hay trụ chuyển pháp luân (cakrastambha). Đây là biểu tượng cho bài thuyết pháp đầu tiên của đức Phật tại vườn Lộc Uyển ở Sarnath cũng như sự truyền bá chánh pháp của ngài sau khi đắc đạo [Foucher 1917: 14]. Hình tượng chuyển pháp luân/trụ chuyển pháp luân rất phổ biến trong nghệ thuật Nam Ấn Độ vào thời Amaravati, khoảng thế kỷ thứ 2 CN [Knox 1992: 163-8, Cat.88, 89, 93]; và ở Đông Nam Á, đặc biệt trong nghệ thuật Dvaravati, giai đoạn thế kỷ 6-8, của Thái Lan.

Những tác phẩm chuyển pháp luân của Dvaravati được tìm thấy tại một số di tích, với số lượng phong phú; chúng có kích thước bằng hoặc to hơn những tác phẩm *dharmacakra* của nghệ thuật Ấn Độ; và được các nhà lịch sử nghệ thuật cho là các tác phẩm này tiếp nhận ý tưởng sáng tác từ nghệ thuật Amaravati ở vùng Andhra Pradesh [Woodward 2003: 67-71; Krairiksh 2012: 67-70; Indorf 2014: 273-6].

3. Phân cảnh 3: Đức Phật lên cõi trời Đao Lợi thuyết pháp cho Hoàng hậu Maya



Hình 4: Cái lọng đặt trên tòa sen biểu tượng cho sự hiện diện của đức Phật Thích Ca; Hoàng hậu Maya và chư thiên nghe giảng pháp trên cõi trời Đao Lợi.

Chiếc lọng (chatra) dựng trên tòa sen (padma) là biểu tượng cho vương quyền và đạo pháp. Chiếc lọng được xếp hàng đầu trong bát bảo (astamangala) của Phật giáo [Beer 2003: 2]. Cái lọng cũng được thể hiện để tượng trưng cho sự hiện diện của đức Phật [Longhurst 1979: 2]. Trên bức phù điêu này cái lọng tượng trưng cho sự hiện diện của đức Phật tại cõi trời Đao Lợi.

Ba nhân vật ngồi dưới cái lọng là Hoàng hậu Maya và hai vị khác đại diện cho chư thiên (deva). Cả ba đều ngồi trong tư thế trang nghiêm lắng nghe chánh pháp.

Phân cảnh này thể hiện sự kiện đức Phật Thích Ca lên cõi trời Đao Lợi (Trayastrimsadeva, tiếng Sanskrit), là nơi cư ngụ của ba mươi ba vị thần; ngài đã ở lại đây ba tháng để thuyết pháp cho Hoàng hậu Maya và chư thiên [Karetzky 1992: 179-80; Huntington 1993: 73; Dehejia 1997: 12-5; Ihsan & Qazi 2008: 192-3].

Truyền thuyết “Đức Phật lên cõi trời Đao Lợi thuyết pháp cho thánh mẫu Maya” được đề cập trong nhiều kinh điển của đạo Phật. Do sự thu hút của truyền thuyết này nên nó đã được soạn thành bản kinh tên là kinh Ma Ha Ma Da (Mahamayasutra). Theo kinh này, sau khi sinh hạ đức Phật, khi đó là Hoàng tử Tất Đạt Đa (Sidharta), Hoàng hậu Maya đã qua đời bảy ngày sau đó, cho nên bà không được duyên may để thọ nhận chánh pháp từ đức Thích Ca. Vì muốn báo hiếu cho mẹ nên vào khoảng cuối đời trước khi nhập Niết bàn, đức Phật đã phát hạnh nguyện lên cõi trời để thuyết giảng kinh A-tì-đạt-ma (Abhiddharma) cho mẹ. Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, Hoàng hậu Maya đã chứng quả Tu-đà-hoàn (Arahat) [Kinh Ma Ha Ma Da 2018: 3-6].

Kinh Ma Ha Ma Da (Mahamayasutra) hay Phật thăng Đạo Lợi thiên vị mẫu thuyết pháp

Kinh Ma Ha Ma Da được dịch từ Phạn văn ra Hán văn bởi ngài Sa-môn Thích Đàm Cảnh dưới thời Nam Tề (南齊)/Tiêu Tề (479-502) của Trung Hoa.⁽²⁾ Kinh Ma Ha Ma Da có bốn chương, gồm:

1. Chương Một: Đức Phật giảng pháp cho Hoàng hậu Maya;
2. Chương Hai: Đức Phật giảng thể từ trời Đạo Lợi;
3. Chương Ba: Hoàng hậu Maya giảng thể để thăm đức Phật lần cuối trước khi ngài nhập diệt và được ngài giảng pháp lần cuối;
4. Chương Bốn: Ngài A Nan thuật lại lời giảng của đức Phật thuở trước liên quan đến tình hình trụ thế và hoại diệt của chánh pháp sau khi đức Phật nhập Niết bàn [Kinh Ma Ha Ma Da 2018: 3].

Kinh Mahamayasutra có ảnh hưởng sâu đậm đến nghệ thuật Phật giáo, nó đã truyền cảm hứng để các nghệ nhân thực hiện nhiều tác phẩm nghệ thuật bằng nhiều thể loại. Hầu hết những tác phẩm này minh họa Chương Hai của kinh, tức là cảnh “Đức Phật giảng thể tại Sankassa từ trời Đạo Lợi”, đặc biệt trong nhiều tác phẩm điêu khắc của nghệ thuật Gandhara từ thế kỷ thứ 1 trước CN cho đến thế kỷ thứ 2 CN [Karetzki 1992: 179-80; Huntington 1993: 72-3; Ihna & Qazi 2008: 189-93; Saeed 2014: 45].

Truyền thuyết về vua Pasenadi⁽³⁾ xác nhận rằng đức Phật muốn giảng pháp cho mẹ, người đã qua đời trước khi ngài giác ngộ. Vì thế đức Phật đã rời thế gian này trong ba tháng và thăng lên cõi trời Đạo Lợi (Tavatimsa, tiếng Pali). Tuy nhiên, đối với vua Pasenadi sự vắng bóng của đức Phật là một thiếu thốn lớn cho ngài, vì thế ngài đã cho tạc một pho tượng đức Phật bằng gỗ đàn hương với đầy đủ ba mươi hai quý tướng của bậc đại nhân (mahapurisa); và cho thờ pho tượng này trong một ngôi đền tại hoàng cung. Đây là pho tượng thể hiện đức Phật đầu tiên, theo truyền thuyết, trong lịch sử Phật giáo. Vua Pasenadi đã trình pho tượng với đức Phật khi ngài hạ thế từ trời Đạo Lợi, và được ngài thuyết giảng về công đức của việc tạc tượng Phật [Crosby 2014: 52-3]. Sự kiện vua Pasenadi trình pho tượng Phật cho chính đức Phật sinh thời đã được thể hiện trên nhiều tác phẩm điêu khắc của nghệ thuật Gandhara [Ihsan & Qazi 2008: 216-7; Saeed 2014: 45].

Chương Ba của kinh Mahamayasutra cũng được minh họa rộng rãi. Khi nghe tin đức Phật nhập Niết bàn, Hoàng hậu Maya đã xuống trần gian để tiễn biệt con lần cuối. Bà đã khóc và rất đau khổ khi nhận cái trượng và bình bát của đức Phật sử dụng khi sinh thời. Xót xa trước nỗi lòng của mẹ, đức Phật đã ngồi dậy từ áo quan bằng vàng để giảng giải về quy luật vô thường của vũ trụ cho mẹ một lần nữa.

Cảnh này đã được thể hiện trong nhiều tác phẩm nghệ thuật Phật giáo tại nhiều quốc gia ở Đông Bắc Á [Karetzki 2000: 101-3]; trong đó có những bức bích họa nổi tiếng của di tích Đôn Hoàng,⁽⁴⁾ và của nghệ thuật Nhật Bản.⁽⁵⁾

Nhận định niên đại của trụ ốp tường Lạc Quới và đánh giá sơ bộ



Hình 5: Đức Phật thuyết pháp cho Hoàng hậu Maya trước khi nhập Niết bàn. Bích họa của Đôn Hoàng, thế kỷ 8-9.



Hình 6: Phù điêu diễn tả cảnh đức Phật trở lại thế gian từ cõi trời Đạo Lợi. Sanchi Stupa 1, Ấn Độ, thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên, sa thạch.

1. Niên đại

Trên phương diện tạo hình, ba bức chạm trên trụ ốp tường Lạc Quới có thể so sánh với các tác phẩm nghệ thuật Phật giáo khác của Amaravati ở Nam Ấn; và của nghệ thuật Dvaravati ở Thái Lan để nhận định niên đại của nó.

Trước hết, cái ngai của Phật ngồi trên trụ ốp tường Lạc Quới có thể so với nghệ thuật Amaravati và Dvaravati. Ngai được thể hiện có hai lớp gờ chồng lên nhau giản lược, chứ không phải tòa sen. Cái ngai đơn giản của đức Phật đã xuất hiện phổ biến trên nhiều tác phẩm của nghệ thuật Amaravati [Knox 1992: 158-162, Cat.85, 86]; nhưng hầu như không xuất hiện trong nghệ thuật Dvaravati vì trong nền nghệ thuật này hình tượng đức Phật được diễn tả ngồi hoặc đứng trên tòa sen; hoặc trong thế ngồi vương tọa, hai chân buông thõng xuống (bhadrasana) [Prairikhsh 2012: 45-95].

Về hình tượng chuyển pháp luân, Pinna Indorf [2014: 273-4, 278-9, 299-305] từng so sánh một bức chạm chuyển pháp luân (dharmacakra) tìm thấy tại di tích Óc Eo⁽⁶⁾ với các *dharmacakra* khác phát hiện ở Đông Nam Á lục địa; và bà cho rằng bức chạm của Óc Eo thuộc nhóm có niên đại sớm khoảng thế kỷ thứ 6-7. Piriya Krairikhsh (2012: 67-70) nhận định rằng những bức chạm *dharmacakra* của Dvaravati thuộc tông phái Theravada của Phật giáo Tiểu thừa (Hinayana).

Trong bối cảnh này, chúng ta có thể nêu câu hỏi rằng, phải chăng hình tượng *dharmacakra/cakrastamba* trên trụ ốp tường Lạc Quới cũng có niên đại thế kỷ thứ 6-7, tương đương với giai đoạn sớm của các *dharmacakra* ở Đông Nam Á lục địa và nó cũng thuộc Phật giáo Theravada?

Cũng có thể so sánh cái trụ chống (*stambha*) của *dharmacakra* thể hiện trên trụ ốp tường Lạc Quới với những *dharmacakra* của nghệ thuật Amaravati. Các trụ chống này đều chạm vuông vức và có kích thước ngắn trong khi ba vòng tròn của *cakra* thì được chạm to hơn rất nhiều, chúng đều có niên đại khoảng thế kỷ 2-3 CN [Knox 1992: 163, Cat.88, Cat.89, Cat.165].



Hình 7: Bức chạm chuyển pháp luân (*dharmacakra*) thuộc văn hóa Óc Eo. Thế kỷ 6-7, sa thạch. Bảo quản tại Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nhận xét sơ bộ

Trụ ốp tường Lạc Quới là tác phẩm điêu khắc duy nhất được biết đến trong nghệ thuật tạo hình Phật giáo đương thời, trong thiên niên kỷ thứ nhất CN, bởi nó minh họa nội dung của Chương Một trong kinh Mahamaya về truyền thuyết “Đức Phật thuyết pháp cho Hoàng hậu Maya và chư thiên trên trời Đao Lợi”. Bức chạm này thể hiện trực tiếp cảnh Hoàng hậu Maya và chư thiên cùng ngồi nghe giảng đạo. Trong khi, cũng bản kinh này, nhiều tác phẩm điêu khắc khác chỉ thể hiện Chương Hai nội dung “Đức Phật giảng thế tại Sankassa từ trời Đao Lợi”; hoặc Chương Ba chủ đề “Đức Phật thuyết pháp lần cuối cho Hoàng hậu Maya trước khi ngài nhập Niết bàn”.

Nội dung kể chuyện của trụ ốp tường Lạc Quới được diễn tả trong một bố cục theo chiều dọc, bố cục này tương tự những tác phẩm kể chuyện Phật giáo phổ biến trong nghệ thuật Amaravati vào những thế kỷ đầu CN; nhưng chúng không hề thấy xuất hiện trong nghệ thuật Dvaravati, như vậy phải chăng nội dung và cách thể hiện của trụ ốp tường Lạc Quới được gợi ý trực tiếp từ nghệ thuật Phật giáo ở Nam Ấn? Hơn nữa, nội dung điêu khắc của trụ ốp tường Lạc Quới cung cấp những nhận thức mới để tìm hiểu về nghệ thuật Phật giáo trong thiên niên kỷ thứ nhất tại Đồng bằng sông Cửu Long.

N T T A

CHÚ THÍCH

- (1) Tác giả cảm ơn Bảo tàng An Giang và Nguyễn Hoàng Bách Linh đã hỗ trợ một số thông tin và kích thước của tác phẩm điêu khắc này.
- (2) Hiện có nhiều bản dịch kinh Ma Ha Ma Da từ Hán văn sang Việt văn; trong đó có bản dịch gần đây của cư sĩ Hạnh Cơ vào năm 2018. Xuất bản bởi Thư viện Hoa Sen. Bài viết này sử dụng bản dịch của Hạnh Cơ.
- (3) Theo những nghiên cứu khác thì người cho tạc tượng đức Phật là vua Udayana của xứ Vathsya; chứ không phải vua Pasenadi của xứ Kosala [Ihsan & Qazi 2008: 216-217; Saeed 2014: 45].
- (4) <http://unescopostcard.blogspot.com/2010/08/440-cn-mogao-caves-1987.html>. Tham khảo ngày 25/7/2019.
- (5) <https://www.kyohaku.go.jp/eng/syuzou/meihin/butsuga/item01.html>. Tham khảo ngày 25/7/2019.
- (6) Hiện nay bức chạm này được bảo quản trong kho của Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Barrett, Douglas. (1954). *Sculptures from Amaravati in the British Museum*. London: The Trustees of British Museum.
- Beer, Robert. (2003). *Tibetan Buddhist Symbols*. Boston: Shambhala.
- Coomaraswamy, A. (1927). 'The Origin of the Buddha image', *The Art Bulletin* 9. No.4: 287-328.
- Coomaraswamy, A. (1939). *Elements of Buddhist Iconography*. Cambridge: Harvard University Press.
- Crosby, Kate. (2014). *Theravada Buddhism: Continuity, diversity, and identity*. The UK: Wiley Blackwell.
- Dehejia, Vidya. (1997). *Discourse in Early Buddhist Art: Visual Narratives of India*. New Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers.
- Foucher, A. (1917). *The Beginning of Buddhist Art and Other Essays in Indian and Central Asian Archaeology* (Revised by the Author and Translated by L. A. Thomas & F. W. Thomas). London: Humphrey Milford.
- Huntington, Susan L. (2012). *Lay Ritual in the Early Buddhist Art of India: More Evidence Against the Aniconic Theory*. Amsterdam: J. Gonda Lecture, Royal Netherlands Academy of Arts and Sciences.
- Huntington, Susan L. (1993). *The Art of Ancient India*. New York|Tokyo: Weatherhill.
- Ihsan Ali & Muhammad Naeem Qazi [eds.]. (2008). *Gandhara Sculptures in the Peshawar Museum: Life Story of Buddha*. Pakistan: Hazara University, Mansehra, NWFP.
- Indorf, Pinna. (2014). Dvaravati Cakras: Questions of Their Significance. In *Before Siam: Essays in Art and Archaeology* (eds. Nicolas Revire & Stephen A. Murphy): 272-309. Bangkok: River Books|The Siam Society.
- Karetzky, Patricia E. (2000). *Early Buddhist Narrative Art: Illustrations of the Life of the Buddha from Central Asia to China, Korea and Japan*. Lanham|New York|Oxford: University Press of America.
- Karetzky, Patricia E. (1992). *The Life of Buddha: Ancient Scriptural and Pictorial Traditions*. Lanham, Maryland: University Press of America.

- *Kinh Ma Ha Ma Da* (2017). Sa môn Thích Đàm Cảnh (Hán văn); Cư sĩ Hạnh Cơ (Việt ngữ). Thư viện Hoa Sen. <https://thuvienhoasen.org>. Tham khảo ngày 25/07/2019.
- Krairiksh, Piriya. (2012). *The Roots of Thai Art* (Trans. Narisa Chakrabongse). Bangkok: River Books.
- Longhurst, A. H. (1979). *The Story of the Stupa*. New Delhi: Asian Educational Services.
- Saeed, Nazir. (2014). *Glorious Gandhara: Life Story of Buddha Etched in Stone*. Government of Pakistan: Ministry of Information, Broadcasting and National Heritage.
- Woodward, Hiram. (2003). *The Art and Architecture of Thailand: From Prehistoric Times through the Thirteenth Century*. Leiden|Boston: Brill.

TÓM TẮT

Tiểu luận này giới thiệu nội dung điêu khắc của một trụ ốp tường thể hiện chủ đề kể chuyện của nghệ thuật Phật giáo, hiện trưng bày tại Bảo tàng An Giang. Tác giả phân tích chi tiết chủ đề được thể hiện và chứng minh rằng các bức chạm này minh họa bản kinh Mahamayasutra, hay kinh Ma Ha Ma Da, kể chuyện đức Phật lên cõi trời Đao Lợi để thuyết pháp cho Hoàng hậu Maya và chư thiên. Cho đến nay, đây là phù điêu minh họa kinh Mahamaya duy nhất được biết đến trong nghệ thuật Phật giáo Việt Nam và Đông Nam Á.

Về niên đại, sau khi so sánh các chi tiết điêu khắc của cột trụ với những tác phẩm Phật giáo thuộc các nền nghệ thuật lân cận; tác giả đoán định rằng phù điêu thể hiện trên trụ ốp tường Lạc Quới được chế tác khoảng thế kỷ 6-7 thuộc giai đoạn sớm của văn hóa Óc Eo tại Đồng bằng sông Cửu Long.